|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT  TP. HỒ CHÍ MINH  KHOA NGOẠI NGỮ | **Ngành đào tạo: Sư Phạm Tiếng Anh kỹ thuật Trình độ đào tạo: Đại học**  **Chương trình đào tạo: Sư Phạm Tiếng Anh kỹ thuật** | |  |

**Đề c­ương chi tiết học phần**

1. **Tên học phần: Ngữ Pháp Tiếng Anh 2**

**Mã học phần:GRAM130235**

1. **Tên Tiếng Anh: Grammar 2**
2. **Số tín chỉ:** 3 tín chỉ (3/0/6) (3 tín chỉ lý thuyết, 0 tín chỉ thực hành/thí nghiệm)

Phân bố thời gian: 15 tuần (3 tiết lý thuyết + 6 tiết tự học/ tuần)

1. **Các giảng viên phụ trách học phần:**

1/ GV phụ trách chính: Hoàng Ngọc Trang

2/ Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:

2/1 Đoàn Trần Anh Thư

1. **Điều kiện tham gia học tập học phần**

Môn học tiên quyết: 0

Môn học trước: Ngữ pháp tiếng Anh 1

1. **Mô tả học phần (Course Description)**

Học phần này nhằm giúp sinh viên chuyên ngữ Anh năm thứ nhất trường ĐHSPKT đạt trình độ ngữ pháp trung cấp (B1+). Cụ thể, sinh viên không chỉ hiểu được cấu trúcvà ý nghĩa trong ngữ cảnh của các các mệnh đề và liên từtrong tiếng Anh mà còn biết vận dụng chúng để hoàn thiện năng lực ngôn ngữ của mình. Bên cạnh đó, sinh viên còn hình thành nhận thức về những khó khăn của người học Việt Nam khi học những điểm ngữ pháp này để có biện pháp khắc phục khi giảng dạy sau này.Thêm vào đó, học phần còn giúp sinh viênphát triển kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

1. **Mục tiêu học phần (Course Goals)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả**  ***(Goal description)***  *(Học phần này trang bị cho sinh viên:)* | **Chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| **G1** | Kiến thức về các loại mệnh đề phụ (Subordinating Clauses) và các loại liên từ trong tiếng Anh (Conjunctions) | 1.2 |
| **G2** | Khả năng sử dụng đúng các mệnh đề phụ (Subordinating Clauses) và các liên từ trong tiếng Anh (Conjunctions), đặc biệt các liên từ phụ thuộc (Surbodinating Conjunctions) | 2.1; 2.2 |
| **G3** | Có kỹ nănggiao tiếp và trình bày thông qua hoạt động dạy bạn học (peer teaching); có kỹ năng làm việc nhóm thông qua các hoạt động trên lớp | 3.1; 3.2 |

1. **Chuẩn đầu ra của học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | | **Mô tả**  *(Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)* | **Chuẩn đầu ra CDIO** |
| **G1** | **G1.1** | Phân biệt các loại câu và mệnh đề trong tiếng Anh, đặc biệt 3 loại mệnh đề phụ: mệnh đề danh từ, mệnh đề tính từ, và mệnh đề trạng từ | 1.2 |
| **G1.2** | Nhận dạng 8 chức năng của mệnh đề danh từ (chủ ngữ, tân ngữ trực tiếp, tân ngữ gián tiếp, bổ ngữ cho chủ từ, bổ ngữ cho tân ngữ, bổ ngữ cho danh từ, bổ ngữ cho tính từ, tân ngữ của giới từ) và hình thức rút gọn của nó (non-finite noun clauses) | 1.2 |
| **G1.3** | Xác định được mệnh đề danh từ trong câu tường thuật và nắm rõ các quy tắc tường thuật | 1.2 |
| **G1.4** | Phân biệt được các loại mệnh đề tính từ, các hình thức rút gọn và nhấn mạnh của nó (non-finite adjective clause) | 1.2 |
| **G1.5** | Nhận dạng 9 loại mệnh đề trạng từ (cách thức, thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, kết quả, nhượng bộ, điều kiện, và so sánh) và các hình thức rút gọn của nó (non-finite adverb clause) | 1.2 |
| **G1.6** | Phân loại các từ nối trong tiếng Anh (Linking words), đặc biệt phân loại các liên từ phụ thuộc (Subordinating conjunctions) | 1.2 |
|  | | | |
| **G2** | **G2.1** | Sử dụng đúng 8 chức năng của mệnh đề danh từ và hình thức rút gọn của nó | 2.1; 2.2 |
| **G2.2** | Tường thuật theo đúng ngữ cảnh; tường thuật được các loại câu và cả đoạn hội thoại; chọn và sử dụng đúng các động từ tường thuật | 2.1; 2.2 |
| **G2.3** | Có khả năng danh hoá các mệnh đề (nominlization) | 2.1; 2.2 |
| **G2.4** | Sử dụng đúng các loại mệnh đề tính từ, các hình thức rút gọn và nhấn mạnh của nó | 2.1; 2.2 |
| **G2.5** | Sử dụng đúng 9 loại mệnh đề trạng từ và các hình thức rút gọn của nó | 2.1; 2.2 |
| **G2.6** | Sử dụng đúng các liên từ phụ thuộc trong tiếng Anh | 2.1; 2.2 |
|  | | | |
| **G3** | **G3.1** | Phát triển khả năng giao tiếp và trình bày thông qua hoạt động dạy học cho bạn (Peer Teaching) | 3.1 |
| **G3.2** | Hoàn thành tốt các nhiệm vụ, sử dụng hiệu quả công nghệ và mạng xã hội vào các hoạt động học tập nhóm trong và ngoài lớp học | 3.2 |

1. **Tài liệu học tập**

- Sách, giáo trình chính:

1. Virgini, E. (2000). *FCE Use of English 2* (Intermediate). London: Expressing Publishing.

2.Eastwood, J. (2005). *Oxford Learner’s Grammar - Builder*. UK: Oxford University Press.

3.Eastwood, J. (2005). *Oxford Learner’s Grammar - Finder*. UK: Oxford University Press.

- Sách, tài liệu tham khảo:

4. Kathryn, A. (2008). *Activate:B1 Grammar and Vocabulary*. London: Pearson Longman.

5. Kathryn, A. (2008). *Activate:B2 Grammar and Vocabulary*. London: Pearson Longman.

6. John, E. (2003). *Oxford Practice Grammar*– Intermediate. Oxford: OUP.

7.Nettle M, & Hopkins D. (2003). *Developing Grammar in Context. Grammar Reference and Practice* – *Intermediate.* CUP: Cambridge University Press.

1. **Đánh giá sinh viên:**

- Thang điểm: **10**

- Kế hoạch đánh giá như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức KT** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **Công cụ KT** | **Chuẩn đầu ra KT** | **Tỉ lệ (%)** |
| **KT#1** | **Bài kiểm tra (KT)#1** | | | | **10** |
| * Nội dung: bao quát các điểm ngữ pháp vừa học (Bài 1 và 2). * Thời gian:45 phút trở lên | **Tuần 6** | **Trắc nghiệm cá nhân** | **G1.1; G1.2; G1.3; G2.1; G2.2; G2.3** |  |
| **KT#2** | **Bài kiểm tra (KT) #2** |  |  |  | **15** |
| * Nội dung: bao quát tất cả điểm ngữ pháp của khóa học, trong đó dành 10-20% số câu hỏi cho Bài 1 và 2. * Thời gian:45 phút trở lên | **Tuần 14** | **Trắc nghiệm cá nhân** | **G1 & G2** |  |
| **DH#1** | **1 phần dạy bạn học (DH) (Peer Teaching)** | | | | **10** |
| * Nội dung:Mỗi nhóm có thể phụ trách một bài học (Bài 2-5) hoặc phụ trách một điểm ngữ pháp trong một bài học (ví dụ Bài 4) * Trình bày điểm ngữ pháp mà nhóm chịu trách nhiệm * Thiết kế các bài tập và hoạt động để dạy và thực hành các điểm ngữ pháp đó * Giải đáp các thắc mắc của các nhóm khác và giảng viên * Rút ra những khó khăn điển hình của người học Việt Nam khi học điểm ngữ pháp đó và giải pháp khắc phục với vai trò là giáo viên tương lai * Thời gian: khoảng 30 phút/ nhóm * Tiêu chí đánh giá: * Trình bày chính xác, đầy đủ và dễ hiểu các điểm ngữ pháp * Thiết kế các bài tập và hoạt động hiệu quả * Giải đáp chính xác và rõ ràng các thắc mắc của các nhóm khác và giảng viên * Tìm ra những khó khăn điển hình của người học Việt Nam khi học điểm ngữ pháp đó và đề xuất giải pháp khắc phục | **Có thể trong suốt khóa học (Tuần 4-12) hoặc chỉ trong một bài học (ví dụ Tuần 9-10)** | **1 bài dạy theo nhóm** | **G3**  **G1/G2** |  |
| **HG-BT** | **Các hoạt động và bài tập (HĐ - BT) trong suốt khóa học** | | | | **15** |
| * Các hoạt động trong lớp và nhiệm vụ ở nhà của cá nhân và nhóm. * Một hoạt động nhóm gợi ý: Viết tạp chí * Nội dung:viết một số ra của một tạp chí (đã có hay do nhóm tự tạo ra), có một chủ đề nhất định; đảm bảo vận dụng các điểm ngữ pháp mục tiêu * Hình thức: dưới dạng một số ra của tạp chí có nhiều mục như các bài phóng sự, tin tức, chuyện cười... (do giảng viên quy định, phù hợp với số thành viên của nhóm và thời gian cho phép), có hình ảnh minh họa và dàn trang phù hợp; đảm bảo tất cả nội dung là do sinh viên sáng tạo và viết ra, không lấy nguyên văn từ những nguồn sẵn có (xem mục 12), ghi rõ nguồn nếu có trích dẫn * Tiêu chí đánh giá: tạo ra ngữ cảnh thích hợp để sử dụng nhiều và đúng các điểm pháp trong khóa học; nội dung bài viết phong phú và có ý nghĩa; hình ảnh và dàn trang đẹp, hiệu quả | **Tuần 1-15**  **Tuần 12-13** | **Sự tham gia các hoạt động trong khóa học của cá nhân và nhóm** | **G3**  **G1/G2** |  |
|  | **Thi cuối kỳ** | | | | **50** |
| * Nội dung: bao quát tất cả nội dung của khóa học * Thời gian: 60-75 phút |  | **Thi trắc nghiệm cá nhân** | **G1; G2** |  |

1. **Kế hoạch thực hiện (Nội dung chi tiết) học phần theo tuần**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung** | **Chuẩn đầu ra học phần** |
| **1** | **GIỚI THIỆU KHÓA HỌC** | |
| ***A/*Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp***: (3)*  **Nội dung GD lý thuyết:**  + Course introduction  + Group division, greeting and self-introduction  + Review of Phrases, Clauses, Sentences   * Definitions & Differences * An emphasis on 2 types of clauses (Independent/Dependent)   *-* **PPGD chính**:  + Thuyết giảng  + Hoạt động nhóm: kết bạn, tự giới thiệu, chơi trò chơi và giải câu đố liên quan đến khóa học như đề cương chi tiết (syllabus test) và các điểm ngữ pháp mục tiêu của buổi học | **G1.1**  **G3.2** |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(1)*  + Chuẩn bị cho buổi học tiếp theo: Bài 1 | **G1.3**  **G3.2** |
| **2 & 3** | **BÀI 1 –CÂU TƯỜNG THUẬT (Reported Speech)** | |
| ***A/*Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp***: (4-5)*  **- Nội dung GD lý thuyết:**  + Definition  + Changes or no changes in Tenses and Words for People, Places, and Time  + Types: Reporting…   * Statements & questions * Commands/requests/suggestions * Conversations or dialogues * Exclamations * Yes/no answers * Question tags   + Reporting verbs  + Punctuation in direct speech (optional)  *-* **PPGD chính**:  + Thuyết giảng  + Thuyết giảng lỗ trống (gapped lecture)  + Giao tiếp (Communicative Language Teaching): thảo luận nhóm, sử dụng video, hình ảnh, bài hát để dạy, hoạt động nói-viết sử dụng ngữ pháp mục tiêu  + Dạy-học dựa trên các nhiệm vụ học tập (Task-based Teaching & Leaching), một nhiệm vụ gợi ý: tường thuật một bài nói của người nổi tiếng, một cuộc hội thoại trong phim, hoặc một bài nói trên <http://www.ted.com/>  + Dự án nhóm nhỏ (Project-based Teaching & Learning): 1 bài báo tường thuật một hoặc một vài bài phát biểu hay bài phỏng vấn   * Nội dung:mỗi nhóm chuẩn bị một bài phát biểu hoặc bài phỏng vấn ngắn, các nhóm còn lại đóng vai trò phóng viên viết bài tường thuật sử dụng câu tường thuật (indirect speech) * Hình thức: bài viết tường thuật * Tiêu chí đánh giá: tường thuật chính xác và đầy đủ bài phát biểu hoặc phỏng vấn (nhóm có bài phát biểu hoặc phỏng vấn đánh giá, giảng viên đánh giá); sử dụng đúng các câu tường thuật | **G1.3; G2.2**  **G3.2** |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(4)*  + Làm bài tập trong giáo trình và tài liệu bổ sung  + Cùng nhóm chuẩn bị cho dự án nhóm: Diễn thuyết/Phỏng vấn & Tường thuật bài diễn thuyết/Phỏng vấn của nhóm khác và/hoặc  *+* Cùng nhóm nghe và tường thuật một bài nói của người nổi tiếng, một cuộc hội thoại trong phim, hoặc một bài nói trên <http://www.ted.com/>  + Chuẩn bị Bài 2 | **G1.3; G2.2**  **G1.2**  **G3.2** |
| **4 & 5** | **BÀI 2 – MỆNH ĐỀ DANH TỪ (Noun Clauses)** | |
| ***A/*Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp***: (5)*  **- Nội dung GD lý thuyết:**  + Definition  + Structures (with wh-question words, that, if/whether)  + 8 Functions in a sentence (subject, direct object, indirect object, subject complement, object complement, adjective complement, noun complement, object of preposition)  + Nominalization  + Non-finite noun clauses  *-* **PPGD chính**:  + Thuyết trình  + Thuyết giảng lỗ trống (gapped lecture)  + Giao tiếp (Communicative Language Teaching): thảo luận nhóm, hoạt động nói-viết sử dụng ngữ pháp mục tiêu  + Dạy-học dựa trên các nhiệm vụ học tập (Task-based teaching)  [*+ Dạy học cho bạn – Peer Teaching nếu có*] | **G1.2; G2.1; G2.3**  **G3.2**  ***[G3.1]*** |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(2-3)*  + Làm bài tập trong giáo trình và tài liệu bổ sung  + Chuẩn bị cho bài kiểm tra #1 | **G1.1; G1.2; G1.3; G2.1; G2.2; G2.3**  **G3.2** |
| **6** | **BÀI KIỂM TRA #1** | |
| ***A/*Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp***: (2)*  + Test 1 (Unit 1 & 2)  + Test correction | **G1.1; G1.2; G1.3; G2.1; G2.2; G2.3** |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(1)*  + Chuẩn bị Bài 3 | **G1.3**  **G3.2** |
| **7 & 8** | **BÀI 3 – MỆNH ĐỀ TÍNH TỪ (Adjective Clauses)** | |
| ***A/*Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp***: (3)*  **- Nội dung GD lý thuyết:**  + Definition  + Structures:   * Relative pronouns, Relative adverbs, Zero * Special use of “Which” * Prepositions in adjective clauses * “What” and “It” for emphasis * Reduction of adjective clauses (non-finite adjective clauses)   + Types:   * Defining adjective clauses * Non-defining adjective clauses   *-* **PPGD chính**:  + Thuyết trình  + Thuyết giảng lỗ trống (gapped lecture)  + Giao tiếp (Communicative Language Teaching): thảo luận nhóm, sử dụng video, hình ảnh, bài hát để dạy, hoạt động nói-viết sử dụng ngữ pháp mục tiêu; các trò chơi và đóng vai  + Dạy-học dựa trên các nhiệm vụ học tập (Task-based teaching)  [*+ Dạy học cho bạn – Peer Teaching nếu có*] | **G1.4; G2.4**  **G3.2*[G3.1]*** |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(3-4)*  + Làm bài tập trong giáo trình và tài liệu bổ sung  + Chọn một bài hát hay một bài báo có sử dụng các mệnh đề tính từ, gạch chân và xác định cấu trúc và loại của chúng và/hoặc  + Chuẩn bị Bài 4 | **G1.4; G2.4**  **G1.5**  **G3.2** |
| **9 & 10** | **BÀI 4 – MỆNH ĐỀ TRẠNG TỪ (Adverb Clauses)** | |
| ***A/*Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp***: (3)*  **- Nội dung GD lý thuyết:**  + Definition  + Types:  1. Clause of Manner 2. Clause of Time  3. Clause of Place 4. Clause Reason  5. Clause of Results 6. Clause of Purpose  7. Clause of Concession 8. Clause of Condition  9. Clause of Comparison  + Reduction of adverb clauses (Non-finite adverb clauses)  *-* **PPGD chính**:  + Thuyết trình  + Thuyết giảng lỗ trống (gapped lecture)  + Giao tiếp (Communicative Language Teaching)  + Dạy-học dựa trên các nhiệm vụ học tập (Task-based teaching)  [*+ Dạy học cho bạn – Peer Teaching nếu có*] | **G1.5; G2.5**  **G3.2**  ***[G3.1]*** |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(3-4)*  + Làm bài tập trong giáo trình và tài liệu bổ sung  + Chọn một bài hát hay một bài báo có sử dụng các mệnh đề trạng từ, gạch chân và xác định loại của chúng và/hoặc  + Chuẩn bị Bài 4 | **G1.5; G2.5**  **G1.6**  **G3.2** |
| **11 & 12** | **BÀI 5 – LIÊN TỪ (Conjunctions)** | |
| ***A/*Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp***: (2)*  **- Nội dung GD lý thuyết:**  + Overview of Types of Linking words   * Conjunctive Adverbs * Conjunctions: Coordinators, Correlative / Paired Conjunctions, Subordinators * Relative pronouns and adverbs   + Emphasis on types of Subordinating clauses  *-* **PPGD chính**:  + Thuyết trình  + Thuyết giảng lỗ trống (gapped lecture)  + Giao tiếp (Communicative Language Teaching)  + Dạy-học dựa trên các nhiệm vụ học tập (Task-based teaching)  [*+ Dạy học cho bạn – Peer Teaching nếu có*] | **G1.6; G2.6**  **G3.2**  ***[G3.1]*** |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(1-2)*  + Làm bài tập trong giáo trình và tài liệu bổ sung  + Dùng sơ đồ tư duy (mind-map) để trình bày và phân loại các từ nối tronh tiếng Anh | **G1.6; G2.6**  **G3.2** |
| **13** | **ÔN TẬP #1** |  |
| ***A/*Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp***: (1)*  **- Nội dung GD lý thuyết:**  *+* Revision  *-* **PPGD chính**:  + Lectures  + In-class programming assignments  + Discussion breakout groups  + Videos, pictures, songs | **G1; G2**  **G3.2** |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(2)*  + Làm bài tập trong giáo trình và tài liệu bổ sung  + Chuẩn bị cho bài kiểm tra #2 | **G1; G2**  **G3.2** |
| **14** | **BÀI KIỂM TRA#2** | **G1; G2**  **G3.2** |
| ***A/*Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp***: (2)*  + Test 2 (Unit 1, 2, 3, 4, & 5)  + Test correction |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(1)*  + Làm bài tập trong giáo trình và tài liệu bổ sung | **G1; G2**  **G3.2** |
| **15** | **ÔN TẬP #2** | **G1; G2**  **G3.2** |
| ***A/*Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp***: (3)*  **- Nội dung GD lý thuyết:**  *+* Revision  + Instructions for the final exam  + Students’ Feedback  *-* **PPGD chính**:  + Thuyết giảng  + Thuyết giảng lỗ trống (gapped lecture)  + Giao tiếp (Communicative Language Teaching)  + Dạy-học dựa trên các nhiệm vụ học tập (Task-based teaching) |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(1)*  + Ôn tập chuẩn bị cho bài thi cuối kỳ | **G1; G2**  **G3.2** |

1. **Đạo đức khoa học:**

+ Các bài làm bài tập nếu bị phát hiện là sao chép của nhau sẽ bị trừ 100% điểm quá trình, nếu ở mức độ nghiêm trọng (cho nhiều người chép- 3 người giống nhau trở lên) sẽ bị cấm thi cuối kỳ cả người sử dụng bài chép và người cho chép bài.

+ SV không hoàn thành nhiệm vụ (mục 9) thì bị cấm thi.

+ Sinh viên thi hộ thì cả 2 người – thi hộ và nhờ thi hộ sẽ bị đình chỉ học tập.

1. **Ngày phê duyệt lần đầu:**
2. **Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa** | **Trưởng BM** | **Nhóm biên soạn** |
|  |  | **Hoàng Ngọc Trang**  **Đoàn Trần Anh Thư** |

1. **Tiến trình cập nhật ĐCCT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lần 1:** Nội Dung Cập nhật ĐCCT lần 1: ngày tháng năm | **Người cập nhật:**  Hoàng Ngọc Trang  Đoàn Trần Anh Thư  **Tổ trưởng Bộ môn:**  Huỳnh Trọng Luân |